

Bản án số: 860/2026/DS-PT

Ngày: 04/5/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Bà Phạm Thị Kim

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Diệp Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 23 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2210/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 863/2026/QĐ-PT ngày 23/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 3610/2026/QĐ-PT ngày 17/3/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5016/2026/QĐ-PT ngày 09/4/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5657/2026/QĐ-PT ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1977.

CCCD số 060177xxxxxx

Địa chỉ: số x LHP, xã HĐ, tỉnh Lâm Đồng (cũ là thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận).

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2025:* Bà Trần Nguyễn Bình N, sinh năm 1988.

Địa chỉ liên lạc hiện tại: x Lô C, Chung cư R, x đường NX, phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Đỗ Hải B - Luật sư thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* **Bà Bùi Thị Hương L**, sinh năm 1978. *(vắng mặt ngày 09/4/2026, có mặt ngày 23/4/2026 và ngày 04/5/2026)*

CCCD số 060178xxxxxx

Địa chỉ: số x PTH, phường PTH, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: x Block A, Chung cư M, x đường AC, phường TSN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1977. *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: số x PTH, phường PTH (cũ là phường PTH, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Bà Lê Thị Thúy H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn – bà Lê Thị Thúy H trình bày:*

Do nhu cầu làm ăn trong gia đình nên bà Bùi Thị Hương L đã vay của bà H số tiền 3.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn), việc vay mượn được bà L lập thành 01 Hợp đồng vay tiền vào ngày 29/11/2021. Sau đó bà L tiếp tục vay của bà H thêm số tiền là 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn). Tổng cộng số tiền mà bà L đã vay của bà H là 4.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn).

Đến ngày 13/7/2022, bà H và bà L tiến hành đối chiếu công nợ số tiền đã vay mượn, lúc này bà L đã lập thành 01 giấy nhận nợ, trong đó xác nhận tổng số tiền đã vay của bà H là 4.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn). Bà L thỏa thuận sẽ thanh toán cho bà H trong vòng 12 tháng kể từ ngày 13/7/2022, tức thời hạn cuối cùng phải thanh toán là vào ngày 13/7/2023.

Tuy nhiên, khi đã quá thời hạn thanh toán, bà L vẫn không thực hiện thanh toán cho bà H và cố tình trốn tránh. Do đó, ngày 06/5/2024 bà H nộp Đơn khởi kiện (BL.29) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Thanh T và bà Bùi Thị Hương L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Thúy H số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày 13/02/2024 là 07 tháng, thành tiền là 233.300.000 đồng; Tổng số tiền yêu cầu trả là 4.233.300.000 đồng (*bằng chữ: Bốn tỷ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

*Bị đơn - bà Bùi Thị Hương L trình bày:*

Bà L có vay bà H số tiền theo những lần bà Lê Thị Thúy H chuyển khoản cho bà L vào số tài khoản 0071003xxxxxx tại ngân hàng Vietcombank, như sau:

- Ngày 13/10/2020: 100.000.000 đồng;
- Ngày 14/10/2020: 50.000.000 đồng và 42.000.000 đồng;
- Ngày 20/10/2020: 65.000.000 đồng;
- Ngày 21/10/2020: 90.000.000 đồng;
- Ngày 23/10/2020: 100.000.000 đồng;
- Ngày 09/11/2020: 100.000.000 đồng;
- Ngày 27/11/2020: 50.000.000 đồng;
- Ngày 30/11/2020: 109.000.000 đồng;
- Ngày 03/12/2020: 301.000.000 đồng;
- Ngày 12/12/2020: 30.000.000 đồng (T1 - con bà H chuyển) và 6.000.000 đồng;
- Ngày 08/02/2021: 8.000.000 đồng;

- Ngày 25/02/2021: 105.000.000 đồng.

Tổng cộng: 1.156.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Bà Bùi Thị Hương L chuyển trả cho bà Lê Thị Thúy H tính cả gốc và lãi, như sau:

- Ngày 08/9/2020: 21.000.000 đồng;
- Ngày 21/9/2020: 10.000.000 đồng;
- Ngày 03/10/2020: 300.000.000 đồng;
- Ngày 01/11/2020: 31.000.000 đồng;
- Ngày 17/11/2020: 108.000.000 đồng;
- Ngày 27/11/2020: 54.000.000 đồng;
- Ngày 01/12/2020: 47.000.000 đồng;
- Ngày 02/12/2020: 96.000.000 đồng;
- Ngày 08/12/2020: 57.000.000 đồng;
- Ngày 19/12/2020: 31.000.000 đồng; 5.000.000 đồng;
- Ngày 21/12/2020: 22.000.000 đồng;
- Ngày 31/12/2020: 9.000.000 đồng, 1.000.000 đồng;
- Ngày 15/3/2021: 10.000.000 đồng;
- Ngày 03/4/2021: 5.000.000 đồng;
- Ngày 15/10/2021: 15.000.000 đồng;
- Ngày 29/11/2021: 100.000.000 đồng (chuyển vào tài khoản con trai bà Lê Thị Thúy H);
- Ngày 28/01/2022: 15.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2022: 15.000.000 đồng;
- Ngày 05/02/2022: 15.000.000 đồng.

Tổng cộng: 1.267.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Số tiền bà H ghi trong sổ tay là số tiền gốc và lãi bà H gọi bà L về ký nhận nợ 2.625.500.000 đồng, không phải là số tiền gốc hoàn toàn. Và tại thời điểm đó bà L ký con số duy nhất là 2.625.500.000 đồng, về sau bà H tự cộng tiền lãi 0,3% nên số tiền tổng thành 3.163.500.000 đồng (Đây là số tiền bà H ghi vào thêm). Bà L thắc mắc 0,3% của 2.625.500.000 đồng không thể ra 540.000.000 đồng cho 06 tháng (180 ngày) là tính lãi không phải 0,3%.

Ngày 29/11/2024 bà L chuyển cho T1 - con bà H 100.000.000 đồng mua xe, bà H nhờ bà L đứng tên, tại đây bà H tính lãi cộng vào kỳ nợ 3.000.000.000 đồng.

Đến ngày 13/7/2022, bà H gọi bà L về quê tại nhà bà H để tính toán phương án trả nợ. Bà L vừa vào nhà bà H ngồi 10 phút sau thì bà H cho anh em xã hội vào đọc và bắt bà L ghi giấy nợ và cam kết ngày trả nợ, bắt bà L ký nợ 4.000.000.000 đồng như trong video bà L gửi Tòa, chứ bà L hoàn toàn không nợ 4.000.000.000 đồng như bà H đã kiện. Thực chất bà L mượn tiền gốc hơn 1.000.000.000 đồng và số tiền bà L đã trả cả nợ gốc cùng với lãi cũng hơn 1.000.000.000 đồng. Bà L chứng minh bằng sao kê ngân hàng có chứng thực bà L có nộp cho Tòa.

Bà H cùng anh em xã hội đọc ép cho bà L ghi và ký nhận nợ vào lúc 13h06 phút với số tiền 4.000.000.000 đồng ngày 13/7/2022, đúng như trong video bà L gửi tòa. Họ ép bà L ký chữ bà L hoàn toàn không mượn 4.000.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Thanh T có Bản tự khai ngày 22/5/2025 (BL.30) trình bày:*

Ông T và bà Bùi Thị Hương L đã ly hôn từ năm 2021 theo bản án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Hồ Chí Minh theo đơn khởi kiện đơn phương của bà L ngày 21/07/2020. Thực tế ông T và bà L đã ly thân từ tháng 09/2019 như bản án ly hôn đã nhận định. Do đó nợ phát sinh của bà L từ năm 2020-2022 là nợ riêng của bà L, ông T không biết, không liên quan và ông T không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ, đề nghị Tòa không đưa ông T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông T có Đơn ngày 07/8/2025 yêu cầu xét xử vắng mặt ông T (BL.38).

*Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2210/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 như sau:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H.

- Buộc bà Bùi Thị Hương L phải trả bà Lê Thị Thúy H số tiền là 1.156.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng). Thời hạn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả trên số tiền gốc; lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị Hương L và ông Ngô Thanh T phải trả bà Lê Thị Thúy H số tiền 3.077.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ phát sinh khi chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2025, nguyên đơn – bà Lê Thị Thúy H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Người kháng cáo – bà Lê Thị Thúy H do người đại diện trình bày:*

Bà H và bà L là chị em bạn dâu, có mối quan hệ vay mượn tiền trong nhiều năm. Còn Bùi Duy T và Bùi Thị Hồng T2 là cháu bà L, cũng là cháu họ hàng với bà H.

Bà H cho bà L vay tiền nhiều lần, từ trước đó nhiều năm, đến ngày 29/11/2021 là chốt nợ với số nợ là 3.000.000.000 đồng. Sau đó tiếp tục vay thêm nhiều lần thành 1.000.000.000 đồng nữa, nên ngày 13/7/2022 bà L ký giấy xác nhận số nợ 4.000.000.000 đồng, đây là khoản nợ của nhiều lần vay trước đó cộng lại hai bên mới chốt thành con số 4.000.000.000 đồng.

Quá trình vay bà L vay nhiều lần, có trả rồi tiếp tục vay. Mục đích vay bà L nói là để kinh doanh, không rõ bà L làm gì. Vì bà L và bà H là chỗ trong họ hàng gần nên bà H cho vay không thế chấp. Khi cho vay thì đưa tiền cho bà L, nhưng ông T - chồng bà L biết bà L có vay tiền bà H.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào sao kê chuyển khoản để tính bà L nợ bà H số tiền 1.156.000.000 đồng là không đúng, vì bà H giao tiền cho bà L bằng nhiều hình thức, có chuyển khoản, có giao tiền mặt hoặc thông qua những người cháu của hai bên. Bà L đã đồng ý ký tên xác nhận số nợ tính đến ngày 13/7/2022 là 4.000.000.000 đồng. Việc bà L ký tên nhận nợ không có sự ép buộc. Bà L cho rằng bà H kêu xã hội đen đến cưỡng ép bà L ký nợ là không đúng, vì nhà bà H kinh doanh khách sạn nên có nhiều khách đứng xung quanh lúc đó, bà H và những người này không có quan hệ gì.

Đối với ông T là chồng bà L có biết việc vay tiền của bà L, đến năm 2021 ông T mới ly hôn với bà L, nên cần buộc ông T chịu trách nhiệm cùng thanh toán số nợ bà L đã vay trong thời kỳ hôn nhân là số tiền 2.623.500.000 đồng bà L đã chốt nợ vào ngày 30/4/2021, còn nợ phát sinh sau ngày 30/4/2021 đến 13/7/2022 (4.000.000.000 đồng – 2.623.500.000 đồng = 1.376.500.000 đồng) yêu cầu bà L chịu trách nhiệm trả.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà L và ông T chịu trách nhiệm liên đới trả khoản nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, bà H đồng ý không yêu cầu tính tiền lãi đối với số nợ 4.000.000.000 đồng này.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm tranh luận:*

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà L phải trả số tiền vay gốc là 4.000.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ thời điểm ký giấy vay đến ngày xét xử, yêu cầu buộc ông T cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà L đối với số tiền 2.623.500.000 đồng mà bà L đã vay trong thời kỳ hôn nhân, hơn nữa theo bản án ly hôn thì ông T và bà L vẫn sở hữu tài sản chung.

*Phía bị đơn vắng mặt ngày 09/4/2026, có mặt ngày 23/4/2026 và 04/5/2026, trình bày:*

Bà L và bà H có mối quan hệ quen biết do liên quan đến họ hàng xa. Bà L kinh doanh thuốc, cần tiền làm ăn nên vay tiền của bà H nhiều lần từ năm 2019, có trả và vay gộp đầu, sau mỗi đợt bà H cộng lãi và gốc rồi bắt bà L ký lại giấy vay mới. Ngày 13/7/2022, bà H kêu bà L đến nhà bà H và có cho anh em xã hội bắt ép bà L ký giấy nợ 4.000.000.000 đồng.

Bà L cung cấp Vi bằng số 532/2026/VB-TPL ngày 23/4/2026 về trích đoạn

clip từ điện thoại của bà L. Nội dung đoạn clip ngắn được trình chiếu tại phiên tòa cho thấy: ghi lại hình ảnh một người đàn ông đang ngồi cạnh bà L đang trao đổi về nội dung giấy nợ và ghi lại giấy nợ. Hình ảnh người đàn ông này được bà L cho biết là Trần Văn T3 – cháu bà H, còn giọng nữ trong clip là của bà L. Bà L cho biết sau đó (sau thời điểm được quay clip) bà L đã viết lại giấy nợ ngày 13/7/2022 theo yêu cầu của bà H, chữ viết và chữ ký tên cùng dấu lấn tay trên giấy cam kết ngày 13/7/2022 là của bà L.

Bà L cho rằng bà L không nợ bà H 4.000.000.000 đồng tiền gốc mà số tiền 4.000.000.000 đồng này là được cộng thêm tiền lãi. Bà L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà L đồng ý thanh toán số tiền nợ theo án sơ thẩm làm nhiều đợt vì hiện bà L không có khả năng thanh toán.

Đối với ông T, bà L trình bày từ khi bà L bắt đầu vay nợ của bà H từ năm 2019 thì bà L và ông T đã ly thân nên ông T không biết bà L vay tiền để phục vụ việc làm ăn riêng của bà L, ông T không liên quan.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền vay là 4.000.000.000 đồng là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận; nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi trên số nợ 4.000.000.000 đồng, đề nghị đình chỉ giải quyết; đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông T liên đới chịu trách nhiệm là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận. Do sửa một phần án sơ thẩm, đề nghị tính lại án phí sơ thẩm theo quy định, án phí phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo không phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của nguyên đơn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Thanh T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung kháng cáo, nguyên đơn yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu đòi bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và số lãi tính trên số tiền 4.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình tài liệu mới Sổ ghi nợ, trong đó cho rằng bị đơn đã ký chốt nợ cho các khoản vay từ năm 2019 nhiều lần, với lần gần nhất là 30/4/2021 số tiền 2.623.500.000 đồng và lãi suất 540.000.000 đồng, bà L chưa trả tiền lãi 540.000.000 đồng và chưa trả nợ gốc 2.623.500.000 đồng, tổng cộng là 3.163.500.000 đồng. Sau đó bà L vay thêm nhiều lần gần 1.000.000.000 đồng, giao bằng tiền mặt và chuyển khoản, tổng hợp lại là 4.000.000.000 đồng nên bà L ký Giấy nhận nợ ngày 13/7/2022. Nguyên đơn cho rằng Giấy nhận nợ ngày 13/7/2022 là nguồn chứng cứ chứng minh khoản nợ của bà L và nguyên đơn yêu cầu bà L trả nợ vay theo Giấy xác nhận nợ ngày 13/7/2022.

Xét thấy bà L thừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký tại Giấy nhận nợ ngày 13/7/2022 là của bà L, thể hiện đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên bà L cho rằng bà L không tự nguyện ký Giấy nhận nợ này mà bị ép ký.

Thể hiện cho việc bị cưỡng ép ký Giấy cam kết ngày 13/7/2022, bà L xuất trình đoạn Clip ngắn ghi lại hình ảnh một người đàn ông đọc và ghi nội dung Giấy cam kết vào ngày 13/7/2022.

Xét đoạn Clip này cho thấy hình ảnh một thanh niên đọc một phần nội dung và đang viết Giấy cam kết ngày 13/7/2022 trước mặt một phụ nữ được xác nhận là bà H, tiếng nói của người phụ nữ ngồi cạnh thanh niên này được cho là của bà L. Trong nội dung đoạn Clip trên không cho thấy có sự cưỡng ép nào buộc bà L phải ký nhận số nợ 4.000.000.000 đồng, nội dung đoạn thoại cho thấy người thanh niên viết yêu cầu bà L cam kết sẽ giao lại toàn bộ tài sản của bà L là nửa căn nhà đồng sở hữu với ông T cho chị H toàn quyền giải quyết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 13/7/2022. Bà L có nói “*ngán ngán thôi, ghi gì mà dài, nháp mà, nháp thôi*” và người đàn ông kia cười nói “*không, nó vậy á*” rồi tiếp tục ghi. Đoạn Clip không cho thấy có yếu tố bạo lực hay cưỡng ép buộc bà L phải ký nhận nợ mà chỉ là sự thỏa thuận theo hướng bà L phải giao tài sản bà L đồng sở hữu với ông T cho bà H xử lý nếu không trả được nợ.

Như vậy, Giấy cam kết ngày 13/7/2022 có nội dung bà L xác nhận số tiền nợ bà L đã mượn từ 03 năm trước đó để làm ăn là 4.000.000.000 đồng đã được bà L xác nhận chữ ký là của bà L. Do đó, Giấy cam kết này đã chứng minh khoản nợ bà L còn nợ bà H tính đến ngày 13/7/2022 là 4.000.000.000 đồng. Bà L nại lý do bị bà H ép ký, nhưng đoạn Clip bà L xuất trình không chứng minh được nội dung bà L bị ép ký nhận số tiền 4.000.000.000 đồng. Không những thế, bà L thừa nhận chữ ký tại Sổ ghi nợ của bà H vào ngày 30/4/2021 là của bà L và thừa nhận bà L chưa trả tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/4/2021 là 3.163.500.000 đồng. Sau ngày 30/4/2021 bà L thừa nhận có vay thêm nhưng không nhớ rõ số tiền vay, nhưng bằng việc đồng ý ký Giấy nhận số nợ đã vay

trước đó được tính đến ngày 13/7/2022 là 4.000.000.000 đồng, bà L đã chấp nhận số nợ bà L còn nợ bà H tính đến ngày 13/7/2022 là 4.000.000.000 đồng, do đó bà L phải có trách nhiệm trả số tiền đã xác nhận nợ này. Yêu cầu của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền 4.000.000.000 đồng kể từ ngày 13/7/2022, do nguyên đơn đồng ý không yêu cầu bị đơn phải trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Nguyên đơn kháng cáo buộc ông Ngô Thanh T cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà Bùi Thị Hương L về việc trả nợ cho nguyên đơn đối với số tiền bà L đã vay trước thời điểm có bản án ngày 08/01/2021 về việc ly hôn giữa bà L và ông T.

Ông Ngô Thanh T không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với bị đơn về nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T và bà L đã ly hôn theo Bản án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành (BL.42-45). Theo trình bày của bà L tại bản án trên thì ông T và bà L thực tế đã ly thân từ tháng 09/2019.

Theo kết quả xác minh ngày 27/8/2024 tại Công an phường PTH (BL.40), bà Bùi Thị Hương L *hiện không thực tế sinh sống tại địa chỉ x đường PTH, phường PTH*, nghĩa là không còn chung sống cùng địa chỉ với ông T.

Do vậy, lời trình bày của ông T về việc không biết và không liên quan đến việc bà L ký giấy vay nợ vào năm 2022 – khi ông T và bà L đã mâu thuẫn và ly hôn, là có cơ sở. Lời trình bày của ông T cũng phù hợp với lời trình bày của bà L tại phiên tòa phúc thẩm, rằng bà L vay tiền của bà H để phục vụ việc làm ăn riêng của bà L và bà L bắt đầu vay khi giữa bà L và ông T đã có mâu thuẫn và ly thân.

Về phía nguyên đơn, ngoài suy đoán là ông T biết việc bà L vay tiền bà H thì cũng không đưa ra được chứng cứ, sự kiện nào thể hiện thực sự ông T có biết về việc bà L vay tiền bà H và việc vay tiền này được sử dụng vào mục đích chung hoặc chi tiêu cho gia đình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu này là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm về định chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Từ những phân tích đã nêu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo các phân tích trên.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí sơ thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại như sau:

- Bà L phải chịu án phí là: 112.000.000 đồng (được tính trên số tiền bà H yêu cầu được chấp nhận là 4.000.000.000 đồng).

- Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 56.116.650 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0008234 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, bà H được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0029569 đồng của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung 2014.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – bà Lê Thị Thúy H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 2210/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H.

1.1 Buộc bà Bùi Thị Hương L phải trả bà Lê Thị Thúy H số tiền nợ là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) theo Giấy cam kết viết tay ngày 13/7/2022.

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền nợ trên.

Thời hạn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả trên số tiền gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Thanh T chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà Bùi Thị Hương L trả nợ cho bà Lê Thị Thúy H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Bà Bùi Thị Hương L phải nộp án phí dân sự là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng)

- Bà Lê Thị Thúy H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.116.650 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0008234 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Lê Thị Thúy H được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0029569 đồng của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 9 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 9 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hiền**